



2016

Thương mại gỗ Việt Nam - Trung Quốc 2013-2016 Một số nét chính



Nhóm tác giả:

Tô Xuân Phúc

Cao Thị Cẩm

Trần Lê Huy

Nguyễn Tôn Quyền

Huyền Văn Hạnh

Hà Nội, tháng 12/2016

Thương mại gỗ Việt Nam - Trung Quốc 2013 -2016: Một số nét chính

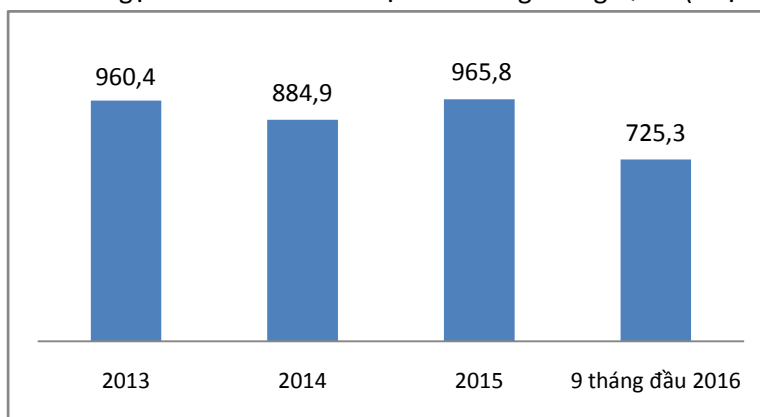
Bản tin chỉ ra thực trạng và xu hướng thương mại về gỗ và sản phẩm gỗ giữa Việt Nam và Trung Quốc trong giai đoạn từ 2013 cho tới 9 tháng năm 2016. Những thay đổi trong xu hướng này chính là sự chuyển hướng trong việc thay đổi các mặt hàng xuất, nhập khẩu giữa hai nước trong thời gian tới, khi Trung Quốc ban hành chính sách đóng cửa rừng tự nhiên.

1. Giới thiệu

Trung Quốc hiện là đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam đối với các sản phẩm hàng hóa và dịch vụ. Dựa trên nguồn số liệu thống kê xuất nhập khẩu (XNK) của Tổng cục Hải quan Việt Nam, Bản tin này chỉ ra thực trạng và xu hướng thương mại mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ giữa Việt Nam và Trung Quốc, giai đoạn từ tháng 1 năm 2013 đến hết tháng 9 năm 2016.

Phân tích từ nguồn số liệu thống kê này cho thấy chỉ tính riêng nhóm các mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ, năm 2015 kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang Trung Quốc đạt gần 965,8 triệu USD, tăng thêm gần 121 triệu USD kim ngạch của năm 2014. Trong 9 tháng đầu 2016, kim ngạch xuất khẩu nhóm mặt hàng này đạt 725,3 triệu USD, tương đương với 75% giá trị kim ngạch của năm 2015. Hình 1 chỉ ra sự thay đổi về kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam vào Trung Quốc giai đoạn 2013 – 2016.

Hình 1. Kim ngạch XK G&SPG của Việt Nam sang Trung Quốc (Triệu USD)



Không chỉ là thị trường tiêu thụ các mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam, Trung Quốc còn cung một lượng tương đối lớn gỗ và các mặt hàng gỗ cho Việt Nam. Năm 2015, tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ của Trung Quốc sang Việt Nam đạt 303,6 triệu USD. Trong 9 tháng đầu 2016, kim ngạch xuất khẩu nhóm mặt hàng này của Trung Quốc sang Việt Nam đạt 200,4 triệu USD, tương đương 66% tổng kim ngạch năm 2015.

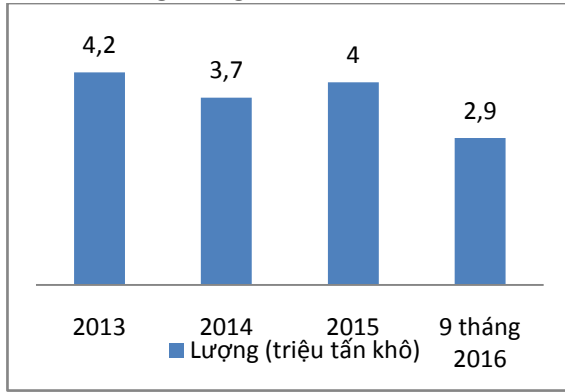
2. Việt Nam xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang Trung Quốc

Việt Nam xuất khẩu đa dạng các mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ sang Trung Quốc. Các sản phẩm quan trọng về kim ngạch bao gồm:

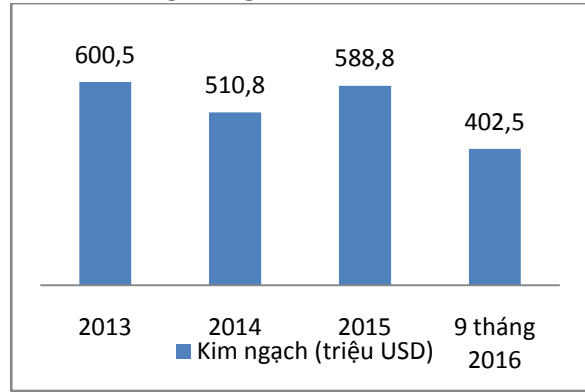
2.1 Dăm gỗ

Là sản phẩm xuất khẩu quan trọng nhất của Việt Nam về kim ngạch. Hình 2 và 3 chỉ ra lượng và kim ngạch xuất khẩu kể từ năm 2013.

Hình 2. Lượng dăm gỗ Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc 2013 - 2016



Hình 3. Kim ngạch xuất khẩu dăm gỗ Việt Nam sang Trung Quốc 2013 - 2016



Bình quân mỗi năm Việt Nam xuất khẩu khoảng 4 triệu tấn dăm gỗ khô sang Trung Quốc, tương đương với 8 triệu m³ gỗ quy tròn. Kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này hàng năm rất lớn, trung bình đạt 500-600 triệu USD.

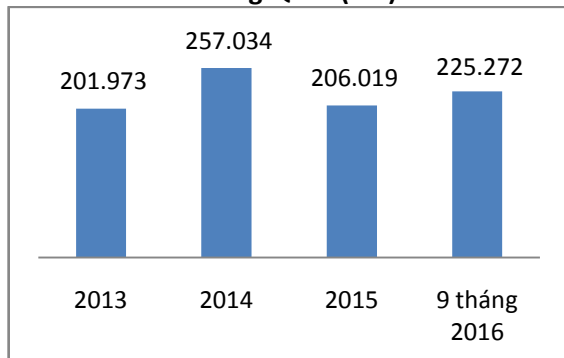
Khoảng 70% dăm gỗ của Việt Nam có nguồn gốc từ gỗ keo. Phần còn lại là gỗ bạch đàn và một số loài gỗ khác.

2.2. Gỗ xẻ

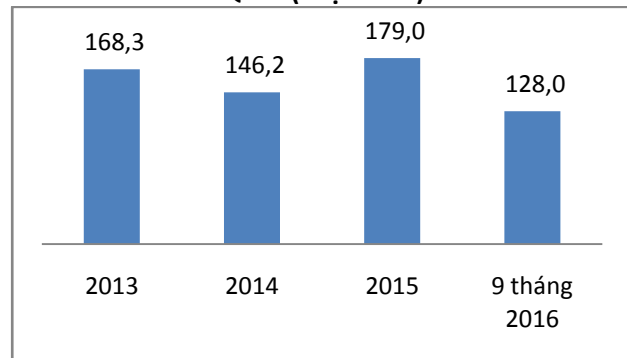
Năm 2015 Việt Nam xuất khẩu khoảng gần 20 loài gỗ xẻ khác nhau vào Trung Quốc.

Bình quân mỗi năm Việt Nam xuất khẩu khoảng 200.000-250.000 m³ gỗ xẻ vào thị trường này, với giá trị kim ngạch khoảng trên dưới 150 triệu USD. Hình 4 và 5 chỉ ra lượng và kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này.

Hình 4. Lượng gỗ xẻ Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc (m³)



Hình 5. Giá trị gỗ xẻ Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc (triệu USD)



Bảng 1 chỉ ra một số loài gỗ xẻ xuất khẩu chính trong tổng số các loài được Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc giai đoạn 2013-2016.

Bảng 1. Các loài gỗ xẻ chính Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc 2013-2016

Tên gỗ	Lượng (m ³)				Giá trị (triệu USD)			
	2013	2014	2015	9 tháng 2016	2013	2014	2015	9 tháng 2016
Hương	47.348	77.332	69.339	46.690	58,8	63,6	136,3	82,5
Cẩm	31.490	19.739	4.029	3.495	52,4	33,5	7,2	5,8
Cao su	109.471	151.663	124.429	169.589	29,0	40,3	32,7	38,7

Lượng và giá trị xuất khẩu của loại gỗ cẩm và cao su xuất khẩu sang Trung Quốc có sự biến động rất lớn. Lượng gỗ cẩm xuất khẩu năm 2015 chỉ đạt khoảng 20% lượng xuất năm 2014 và trên 10% lượng xuất năm 2013. Kim ngạch xuất khẩu loại gỗ này cũng giảm rất lớn.

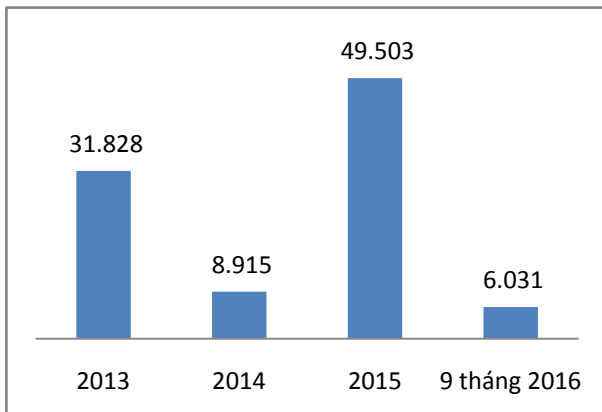
Ngược lại với xu thế này, lượng và kim ngạch xuất khẩu gỗ cao su tăng mạnh. Chỉ trong 9 tháng đầu 2016, lượng gỗ cao su xẻ xuất khẩu sang Trung Quốc lớn hơn gần 1,4 lần tổng lượng gỗ cao su xẻ xuất khẩu của cả năm 2015.

2.3. Gỗ tròn

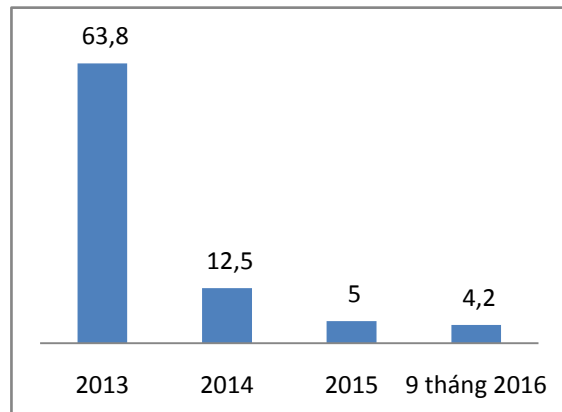
Gỗ tròn Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc nhỏ hơn nhiều so với gỗ xẻ xuất khẩu vào thị trường này cả về mặt lượng và giá trị.

Bình quân mỗi năm Việt Nam xuất khẩu trên 10 loài gỗ tròn vào Trung Quốc. Hình 6 và 7 chỉ ra lượng và giá trị xuất khẩu gỗ tròn của Việt Nam sang thị trường này giai đoạn 2013-2016.

Hình 6. Lượng gỗ tròn Việt nam xuất khẩu vào Trung Quốc (m3)



Hình 7. Giá trị gỗ tròn Việt Nam xuất khẩu vào Trung Quốc (triệu USD)



Nhìn chung có sự biến động lớn về các loài gỗ tròn, đặc biệt là các loại gỗ quý, thuộc nhóm 1-2, được Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc (Bảng 2). Một vài ví dụ cụ thể:

- Lượng gỗ trắc xuất khẩu giảm từ trên 24.000 m3 năm 2013 xuống còn hơn 315 m3 năm 2015. Trong 9 tháng đầu 2016 không có gỗ trắc tròn được xuất sang Trung Quốc.
- Lượng sa mu xuất khẩu tăng đột biến năm 2015, đạt trên 43.000 m3, từ mức 2.100 m3 của năm 2014. Tuy nhiên, trong 9 tháng đầu 2016, lượng xuất khẩu chỉ trên 1.100 m3.
- Lượng gỗ cẩm tăng mạnh trong 9 tháng đầu 2016, đạt trên 1000 m3, từ mức gần như không có gì của năm 2015.

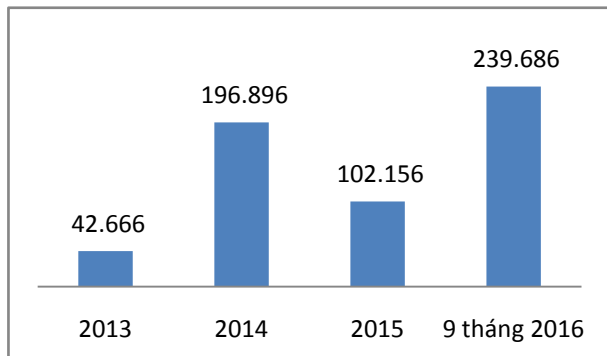
Bảng 2. Các loài gỗ tròn chính Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc 2013-2016

Tên gỗ	Lượng (m3)				Giá trị (USD)			
	2013	2014	2015	9 tháng 2016	2013	2014	2015	9 tháng 2016
Cẩm	544	142	41	1.078	867.724	236.130	66.650	1.562.653
Hương	4.812	1.386	334	2.111	3.776.136	761.826	290.053	1.896.934
Nghiễn	19	0	858	870	6.348	0	307.438	290.850
Sa mu	1.583	2.101	43.187	1.127	476.665	776.644	933.746	315.840
Trắc	24.357	3.742	315	0	58.645.663	10.205.386	963.310	0

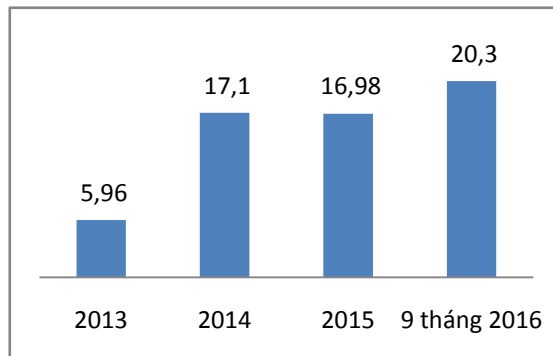
2.4. Ván bóc

Nhìn chung mặt hàng ván bóc được Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc tăng cả về lượng và giá trị kim ngạch. Trong 9 tháng đầu 2016, lượng ván bóc xuất khẩu đạt gần 240.000 m³, tương đương với khoảng 20,3 triệu USD. Các con số này của cả năm 2015 là khoảng 102.000 m³ và gần 17 triệu USD.

Hình 7. Lượng ván bóc Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc (m³)



Hình 8. Giá trị ván bóc Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc (triệu USD)



Các loài gỗ được sử dụng chủ yếu làm ván bóc xuất khẩu (Bảng 3) bao gồm keo/tràm, cao su và bồ đề. Lượng ván bóc được làm từ gỗ keo rất lớn. Chỉ trong 9 tháng đầu 2016, lượng ván bóc được làm từ gỗ này đạt trên 136.000 m³, tương đương với 9,6 triệu USD.

Năm 2016 lượng ván bóc được làm từ gỗ cao su tăng đột biến, đạt gần 45.000m³ trong 9 tháng đầu 2016, tăng gấp 24 lần lượng ván bóc được làm từ gỗ này của năm 2015.

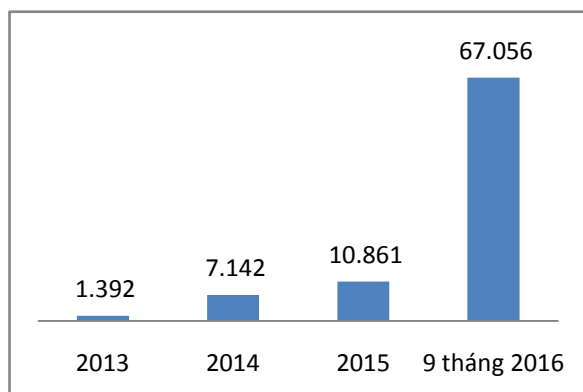
Bảng 3. Các loài gỗ chính được sử dụng làm ván bóc xuất khẩu sang Trung Quốc 2013-2016

Tên gỗ	Lượng (m ³)				Giá trị (Triệu USD)			
	2013	2014	2015	9 tháng 2016	2013	2014	2015	9 tháng 2016
Bồ đề	16.541	16.463	18.359	18.915	2,5	2,5	2,7	2,2
Cao su	727	944	1.866	44.884	0,2	0,1	0,8	3,6
Keo/tràm	21.022	128.504	56.880	136.486	2,8	11,9	10,2	9,6

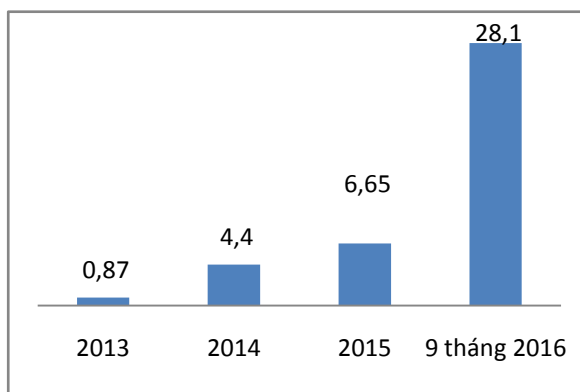
2.5. Ván ghép và đồ mộc xây dựng (joinery)

Là một trong những nhóm mặt hàng có mức độ tăng trưởng rất lớn (Hình 9, 10). Trong 9 tháng đầu 2016, lượng xuất khẩu nhóm mặt hàng sang Trung Quốc này đạt khoảng 67.000m³, tương đương trên 28 triệu USD, tăng nhanh từ con số khoảng 10.800 m³ về lượng và 6,6 triệu USD kim ngạch của cả năm 2015.

Hình 9. Lượng ván ghép/đồ mộc xây dựng Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc (m³)



Hình 9. Kim ngạch xuất khẩu ván ghép/đồ mộc xây dựng của Việt Nam từ Trung Quốc (triệu USD)



Ván ghép và đồ mộc xây dựng chủ yếu được làm bằng gỗ cao su (Bảng 4). Trong 9 tháng đầu 2016, lượng gỗ cao su được sử dụng đạt gần 61.000 m³, tăng gấp gần 10 lần so với lượng gỗ cao su sử dụng đối với mặt hàng này trong cả năm 2015.

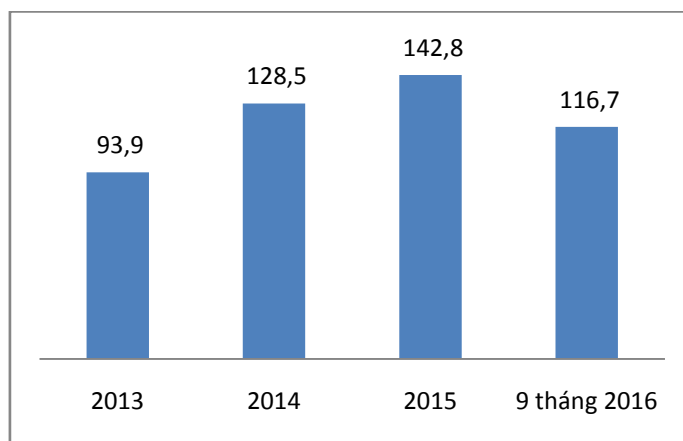
Bảng 4. Các loài gỗ chính được sử dụng làm ván ghép/đồ mộc

Tên gỗ	Lượng (m ³)				Giá trị (Triệu USD)			
	2013	2014	2015	9 tháng 2016	2013	2014	2015	9 tháng 2016
Cao su	306	4.107	6.555	60.816	0,12	2,2	2,9	20,1
Sồi	566	1.410	3.072	3.224	0,4	1,3	2,95	2,8
Tràm/keo	30	1.315	875	266	0,017	075	0,69	0,48

2.6. Nhóm các mặt hàng sản phẩm gỗ (HS 94)

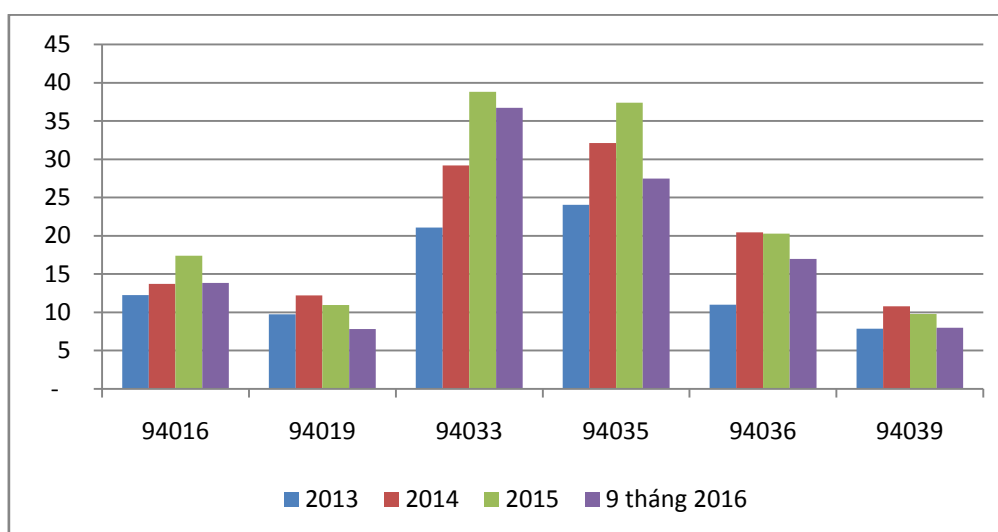
Là nhóm mặt hàng đa dạng, có kim ngạch xuất khẩu cao, với bình quân khoảng trên 100 triệu USD/năm (Hình 11).

Hình 11. Kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gỗ của Việt Nam từ Trung Quốc 2013-2016



Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu thuộc nhóm nội thất văn phòng (94033) và nội thất phòng ngủ (94035) (Hình 12).

Hình 12. Các sản phẩm gỗ quan trọng Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc (Triệu USD)



Nhìn chung, kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm chính vẫn tiếp tục tăng.

Các loại gỗ chủ yếu được sử dụng làm sản phẩm xuất khẩu thường là gỗ có giá trị cao như hương, trắc. Bên cạnh đó, gỗ cao su cũng được sử dụng tương đối phổ biến để làm các sản phẩm xuất khẩu.

3. Việt Nam nhập khẩu từ Trung Quốc

Kim ngạch nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ từ Trung Quốc vào Việt Nam năm 2015 đạt 303,6 triệu USD, tương đương với 31% kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam vào thị trường này trong cùng năm.

Cán cân thương mại gỗ và sản phẩm gỗ giữa 2 quốc gia vẫn tiếp tục nghiêng về phía Việt Nam.

Bảng 9 chỉ ra các sản phẩm có kim ngạch nhập khẩu lớn. Trong số này có gỗ dán, ván lạng và ván sợi là các sản phẩm có giá trị kim ngạch lớn nhất.

Bảng 9. Các mặt hàng gỗ và sản phẩm chính Việt Nam nhập khẩu từ Trung Quốc

Sản phẩm	Mã HS	Lượng		Trị giá (triệu USD)	
		2015	9 tháng 2016	2015	9 tháng 2016
Ván sợi/ fibreboard (m3)	4411	147.697	74.173	40,2	21,8
Gỗ dán/ Plywood (m3)	4412	284.845	174.560	116,3	75,1
Ván lạng/veneer (m3)	4408	907.934	133.601	70,6	45,6
Gỗ tròn/ Logs (m3)	4403	6.814	38.196	2,9	13,8
Ván ghép/đồ mộc xây dựng/ Joinery (m3)	4418	15.847	10.823	5,2	6,4
Sản phẩm gỗ (chiếc)	94	-	-	44,0	23,3

Trong các sản phẩm nhập khẩu, ván lạng có lượng nhập rất lớn, lên tới trên 900.000 m3 năm 2015. Tuy nhiên lượng nhập mặt hàng này trong 9 tháng đầu 2016 giảm mạnh, chỉ đạt khoảng 130.000 m3.

Gỗ dán cũng là nhóm mặt hàng được nhập khẩu vào Việt Nam. Kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này năm 2015 đạt trên 116 triệu USD, tương đương với gần 285.000 m3 sản phẩm.

Trong 9 tháng đầu 2016 Việt Nam nhập trên 38.000 m3 gỗ tròn từ Trung Quốc, tăng gần 6 lần so với lượng nhập khẩu của cả năm 2015. Gỗ tròn nhập khẩu từ Trung Quốc 9 tháng đầu 2016 chủ yếu là gỗ lim, chiếm gần 80% tổng lượng gỗ tròn nhập khẩu.

Một số loài gỗ tròn khác có số lượng nhập khẩu trong 9 tháng đầu 2016 tương đối lớn là gỗ (gần 1.700 m3) và hương (gần 5.000 m3).

Gỗ lim, gỗ, hương nhập khẩu từ Trung Quốc vào Việt Nam có nguồn gốc là gỗ nhập khẩu.

4. Kết luận

Trung Quốc là thị trường xuất khẩu quan trọng về các mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam. Tuy nhiên, các sản phẩm xuất khẩu từ Việt Nam sang thị trường này chủ yếu vẫn còn là các sản phẩm thô, có hàm lượng giá trị gia tăng thấp. Nhóm các mặt hàng có hàm lượng giá trị gia tăng lớn (các mặt hàng thuộc nhóm 94) hiện vẫn còn hạn chế.

Bên cạnh đó, Trung Quốc cũng là nguồn cung gỗ nguyên liệu quan trọng cho Việt Nam. Nhìn chung, giá trị gia tăng của các mặt hàng gỗ Trung Quốc xuất khẩu sang Việt Nam có hàm lượng giá trị gia tăng cao hơn so với nhóm các mặt hàng mà Việt Nam xuất khẩu sang thị trường này.

Đến nay cán cân thương mại các mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ giữa 2 quốc gia vẫn nghiêng mạnh về phía Việt Nam. Tuy nhiên, cán cân này có thể thay đổi trong thời gian tới, khi chính sách đóng cửa rừng tự nhiên của Trung Quốc bắt đầu có hiệu lực kể từ đầu năm 2017.